TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ỨNG HÒA –TP HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:24/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 28-6-2018
V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA – TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Viết Côi và ông Nguyễn Hạ Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2018/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn***: Chị Trương Thị Thanh N – sinh năm 1981(có mặt)
Nguyên quán: Xóm 4, xã Q, huyện Q1, tỉnh Nghệ An
Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã Đ, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội.

2. ***Bị đơn***: Anh Vũ Trọng K – sinh năm 1985 (vắng mặt)
STQ: Thôn T, xã Đ, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn, biên bản tự khai, biên bản hòa giải chị Trương Thị Thanh N là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Vũ Trọng K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ năm 2010. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống; bản thân anh K không tu chí làm ăn suốt ngày chơi bời cờ bạc, chị khuyên bảo thì anh lại chửi đánh chị. Vì điều kiện kinh tế quá khó khăn, bản thân hai vợ chồng không có nghề nghiệp ổn định nên năm 2013, chị đi xuất khẩu lao động. Cuối năm 2017 thì chị về nước, xong khi vợ chồng đoàn tụ thì chị nhận thấy anh K không hề thay đổi nên chung sống với nhau khoảng một tháng thì chị về trong quê ngoại sống ly thân cho tới nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, mâu thuẫn đã quá trầm trọng nên chị cương quyết xin ly hôn anh

K. Về con chung, chị và anh K có 01 con chung là Vũ Thị Quỳnh A – sinh ngày 09/11/2010. Hiện tại cháu đang ở với anh K. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng xin được nuôi con vì chị có công việc, mức thu nhập ổn định, bản thân cháu A là con gái nên ở với mẹ thì tiện để chị chăm sóc và nuôi dưỡng cháu. Về tài sản và công nợ chung, chị không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải anh Vũ Trọng K là bị đơn trình bày: Anh và chị N qua một thời gian tìm hiểu thì cả hai kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ năm 2010. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống bình thường. Xong chị N quyết định đi xuất khẩu lao động mà không hề bàn bạc với anh, anh không đồng ý để chị N đi nhưng chị vẫn cương quyết đi. Cuối năm 2017, chị N về nước vợ chồng chung sống bình thường được khoảng một tháng thì chị xin phép về quê để giỗ bà ngoại và ở lại trong quê luôn. Anh đã nhiều lần nói chuyện với chị N quay về chung sống, đoàn tụ để nuôi dạy con nhưng chị N vẫn không đoàn tụ mà còn nộp đơn xin ly hôn. Quan điểm của anh lúc nào cũng muốn chị N suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu chị N vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn. Về con chung, anh và chị N có 01 con chung là Vũ Thị Quỳnh A – sinh ngày 09/11/2010. Nếu ly hôn thì anh có nguyện vọng nhận nuôi cháu A và không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con vì bản thân chị N khi đi xuất khẩu cũng không hề gửi tiền về nuôi dưỡng cháu A; trong khi đó cháu A đang ở ổn định môi trường sống, môi trường học tập và nguyện vọng của cháu lúc nào cũng muốn ở với bà nội, cô và bố. Về tài sản và công nợ chung, anh không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay chị N, anh K có mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến. Không có ai xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết xử cho chị Trương Thị Thanh N được ly hôn anh Vũ Trọng K. Về con chung: giao chị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Vũ Thị Quỳnh A - sinh ngày 09/11/2010; chị N phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ□ợc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đ□ơng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trương Thị Thanh N đã làm đơn ly hôn theo mẫu và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình, Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt thông báo hòa giải Quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập anh K đến Toà án hòa giải, làm việc theo đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh K không có mặt. Hội đồng xét xử đã mở phiên toà ngày 15/6/2018 nhưng do sự vắng mặt của anh K nên Hội đồng xét xử hoãn phiên toà, tại phiên toà hôm nay chị N và anh K đều có mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đối với vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Trương Thị Thanh N và anh Vũ Trọng K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ ngày 04/02/2010 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng liên tục xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh K không tu chí làm ăn, chơi bời, vợ khuyên bảo thì chửi đánh. Chung sống được mấy năm thì chị N đi xuất khẩu lao động, cuối năm 2017 thì về nước nhưng chị nhận thấy anh K vẫn không hề thay đổi nên chị cương quyết xin ly hôn anh K. Về phía anh K, anh cho rằng vợ chồng chung sống bình thường không hề có mâu thuẫn gì, xong khi về nước không hiểu vì lý do gì mà chị N bỏ chồng, bỏ con để về quê ngoại sống ly thân; anh rất mong muốn vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con nhưng nếu chị N cương quyết xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn. Mặc dù anh K mong muốn đoàn nhưng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng, hơn nữa qua xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp: cuộc sống chung giữa vợ chồng chị N và anh K trước đây liên tục xảy ra mâu thuẫn; sau khi chị N đi xuất khẩu lao động về thì vợ chồng chung sống được ít ngày là sống ly thân. Nay chị N có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa giải quyết đảm bảo quyền lợi của người phụ nữ cho chị N được ly hôn anh K.

Xét thấy, cuộc sống vợ chồng chị N và anh K không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hai vợ chồng lại sống ly thân được một thời gian. Căn cứ khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N.

[3] Về con chung: Chị Trương Thị Thanh N và anh Vũ Trọng K đều xác nhận có 01 con chung là Vũ Thị Quỳnh A– sinh ngày 09/11/2010. Khi ly hôn, chị N và anh K đều đề nghị được quyền nuôi con và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng tiền nuôi con.

Xét thấy, chị N và anh K đều có nguyện vọng đề nghị Tòa được nuôi con chung. Tại biên bản lấy lời khai của cháu Quỳnh A thì cháu có nguyện vọng muốn ở với bố vì để được ở với bà và cô. Xong, chị N có công việc ổn định; bản thân cháu Quỳnh A còn nhỏ, lại là con gái; qua xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp: anh K không có công việc ổn định và đề nghị Tòa giải quyết đảm bảo quyền lợi người phụ nữ, đảm bảo quyền lợi cho cháu A. Vì vậy, giao cho chị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Anh là phù hợp Điều 81Luật hôn nhân và gia đình. Chị N không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con nên tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh K cho đến khi có thay đổi khác; anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị Trương Thị Thanh N và anh Vũ Trọng K đều không yêu cầu đề nghị Toà giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị N phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chị Trương Thị Thanh N được ly hôn anh Vũ Trọng K.

2. Về con chung: Giao chị Trương Thị Thanh N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Vũ Thị Quỳnh A – sinh ngày 09/11/2010; Tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh K cho đến khi có thay đổi khác. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trương Thị Thanh N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008565 ngày 19 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Thanh Minh

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội ;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS Ứng Hoà;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.